

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở THỪA THIÊN HUẾ

Nguyễn Tài Phúc¹, Phạm Đình Văn², Nguyễn Ngọc Châu³ và Mai Chiêm Tuyền⁴

Ngày nhận bài: 20/02/2016

Ngày nhận bản sửa: 28/08/2016

Ngày duyệt đăng: 05/09/2016

Tóm tắt. Nghiên cứu này nhằm mục tiêu đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới ở Thừa Thiên Huế giai đoạn 2010 - 2015. Sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh và kiểm định thống kê, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng số lượng xã của Thừa Thiên Huế đạt từ 10 tiêu chí xây dựng nông thôn mới trở lên khá cao, chiếm đến 97,83% trong tổng số 92 xã, đặc biệt có 20 xã đạt 19 tiêu chí, chiếm 21,74%. Tỷ lệ các xã đã hoàn thành từng tiêu chí bình quân đạt 80,15%, tuy ở một số tiêu chí vẫn còn thấp nhưng đều cao hơn so với bình quân chung của cả nước. Kết quả khảo sát ở huyện Quảng Điền cho thấy, thu nhập ở huyện dù rất đa dạng nhưng không cao, bình quân chỉ đạt 1.695,08 ngàn đồng/người/tháng. Tỷ lệ hộ nghèo của huyện giảm đáng kể, từ 15,86% vào năm 2011 xuống còn 6,98% vào năm 2014. Cơ cấu lao động của Quảng Điền chuyển biến rất tích cực, tốc độ chuyển dịch giữa các ngành ngày càng tăng, từ 2,45% lên 3,79%, theo hướng tăng tỷ trọng lao động ngành dịch vụ. Tỷ lệ các hộ không tham gia vào các tổ chức sản xuất vẫn còn cao, bình quân đạt 51,67%. Để đẩy mạnh việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới ở Thừa Thiên Huế, cần thực hiện một số giải pháp như tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, triển khai các lớp tập huấn và tăng cường sự chỉ đạo của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới.

Từ khóa: kinh tế, nông thôn mới, tiêu chí, Thừa Thiên Huế

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Là một trong những chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) có ý nghĩa thiết thực cao trong việc phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới (NTM) đã trở thành phong trào sôi nổi ở tất cả các vùng nông thôn của Việt Nam. Chương trình này đã từng bước CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, chuyển đổi căn bản mô hình nông

¹ Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, email: ntpfuc@hce.edu.vn

² Chi cục Phát triển nông thôn Thừa Thiên Huế

³ Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế

⁴ Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế

nghiệp, nông thôn cũ một cách mạnh mẽ. Tuy nhiên, nông thôn hiện đang đối mặt với hàng loạt các vấn đề như: quy mô sản xuất nhỏ, manh mún; khả năng hợp tác, liên kết, cạnh tranh yếu, chuyên dịch cơ cấu chậm... (Nguyễn Chí Linh, 2012). Do đó, thực hiện mục tiêu xây dựng NTM có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch... (Thủ tướng chính phủ, 2010) đã trở thành vấn đề cấp thiết cao.

Nằm ở khu vực Bắc Trung bộ với điều kiện khó khăn cả về tự nhiên lẫn kinh tế - xã hội, Thừa Thiên Huế luôn phải đối mặt với những vấn đề cấp bách về phát triển nông thôn. Mặc dù ngành nghề nông thôn đa dạng, lực lượng lao động dồi dào... nhưng việc phát triển thiếu định hướng và quy hoạch đã gây ra nhiều thách thức cho chính quyền và người dân trong việc ổn định sản xuất và nâng cao mức sống.

Được sự chỉ đạo kịp thời của Ban chỉ đạo Trung ương về xây dựng NTM, Ban chỉ đạo Chương trình xây dựng NTM tỉnh Thừa Thiên Huế đã điều hành và phối hợp với Văn phòng điều phối của chương trình thực hiện rất nhiều các chương trình hành động và đã đạt được nhiều kết quả rất khả quan. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm các mục tiêu sau:

- Đánh giá tổng quan kết quả thực hiện 19 tiêu chí (TC) xây dựng NTM (Bộ NN&PTNT, 2013) của tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2010 - 2015;
- Phân tích một số nội dung về phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất trong chương trình xây dựng NTM của tỉnh Thừa Thiên Huế - nghiên cứu trường hợp ở huyện Quảng Điền;
- Đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác xây dựng NTM ở Thừa Thiên Huế trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Dựa trên số liệu từ các báo cáo, niên giám thống kê... cùng số liệu điều tra trực tiếp 120 hộ gia đình của 3 xã đại diện cho huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo phương thức chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng theo tỷ lệ (Trần Tiến Khai, 2012), chúng tôi đã kết hợp với phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh và chỉ số bình quân để đánh giá công tác xây dựng NTM ở Thừa Thiên Huế. Ngoài ra, để kiểm định sự khác biệt về việc thực hiện một số TC về kinh tế và tổ chức sản xuất giữa các địa bàn chúng tôi đã sử dụng phương pháp kiểm định sự khác biệt ANOVA và thêm kiểm định Chi-Square để xem xét mối liên hệ đó, với mức ý nghĩa α bằng 0,05 (Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2014).

Bên cạnh đó, để đánh giá tốc độ chuyển dịch cơ cấu lao động giữa các ngành kinh tế, chúng tôi đã sử dụng phương pháp vector (Trần Lê Hùng, 2011). Để lượng hóa mức độ chuyển dịch cơ cấu lao động giữa hai thời điểm t_0 và t_1 chúng tôi sử dụng công thức:

$$\cos \varphi = \frac{\sum_{i=1}^n S_i^{t_0} \times S_i^{t_1}}{\sqrt{\sum_{i=1}^n (S_i^{t_0})^2 \times \sum_{i=1}^n (S_i^{t_1})^2}}$$

Trong đó:

- S_i^t là tỷ trọng lao động của ngành i tại thời điểm t

- φ được coi là góc hợp giữa hai vector cơ cấu S^{t_0} và S^{t_1} . Khi đó, $\cos \varphi$ càng lớn thì cơ cấu càng gần nhau, cho thấy sự chuyển dịch chưa nhanh. Ngược lại, nếu $\cos \varphi$ càng nhỏ thì cơ cấu càng xa nhau, cho thấy sự chuyển dịch nhanh.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tình hình thực hiện các TC NTM ở Thừa Thiên Huế

3.1.1. Tình hình thực hiện các TC NTM của các xã trên địa bàn Thừa Thiên Huế giai đoạn 2010 - 2015 phân theo số lượng TC hoàn thành

Là một trong những địa bàn triển khai sớm chương trình MTQG về xây dựng NTM, trong 5 năm vừa qua Thừa Thiên Huế đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Nếu như ở năm 2010, tất cả các xã đạt từ 14 TC trở xuống, trong đó có đến 62 xã mới chỉ đạt được khoảng từ 5 - 9 TC, chiếm 67,39% số xã trong tỉnh thì đến năm 2015 số xã đạt từ 10 - 14 TC trở lên chiếm đến 97,83%, đặc biệt có 20 xã đạt 19 TC, chiếm 21,74%.

Chúng ta thấy rằng tình hình thực hiện các TC về NTM của Thừa Thiên Huế cao hơn đáng kể so với bình quân chung của cả nước. Cụ thể, tỷ lệ xã đạt 19 TC của Thừa Thiên Huế năm 2015 là 21,74%, cao hơn 1,73% so với tỷ lệ này của cả nước. Số lượng xã hoàn thành từ 10 đến 18 TC cũng đạt đến 76,09% so với tỷ lệ 49,40% của cả nước. Ngược lại, số xã đạt từ 5 - 9 TC chỉ còn 2,17%, thấp hơn nhiều so với tỷ lệ 24,00% của cả nước và đặc biệt là không có xã nào đạt dưới 5 TC. Điều này cho thấy rằng tình hình thực hiện NTM ở Thừa Thiên Huế đạt được kết quả khá tốt so với các địa phương khác.

Bảng 1: Tình hình thực hiện các TC NTM của các xã trên địa bàn Thừa Thiên Huế giai đoạn 2010 - 2015 phân theo số lượng TC hoàn thành

Lượng TC	Thừa Thiên Huế						Cả nước		TTH so với Cả nước
	2010		2014		2015		2015		2015
	SL (Xã)	CC (%)	SL (Xã)	CC (%)	SL (Xã)	CC (%)	SL (Xã)	CC (%)	TL (+-%)
19	0	0,00	9	9,78	20	21,74	1.802	20,00	1,73
15 - 18	0	0,00	26	28,26	30	32,61	1.558	17,30	15,31
10 - 14	27	29,35	53	57,61	40	43,48	2.892	32,10	11,37
5 - 9	62	67,39	4	4,35	2	2,17	2.162	24,00	-21,83
< 5	3	3,26	0	0,00	0	0,00	594	6,59	-6,59
Tổng số	92	100,00	92	100,00	92	100,00	9.008	100,00	0,00

Nguồn: UBND Thừa Thiên Huế, 2015

Như vậy, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng nhờ sự chỉ đạo kịp thời của Ban chỉ đạo xây dựng NTM của tỉnh, nhất là việc làm tốt công tác tuyên truyền đã huy động được người dân tham gia xây dựng NTM. Do đó công tác thực hiện bộ 19 TC về xây dựng NTM của các xã trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả rất khả quan. Đây là tiền đề quan trọng để Thừa Thiên Huế tiếp tục thực hiện thắng lợi chương trình MTQG về xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020.

3.1.3. Tình hình thực hiện các TC NTM của các xã trên địa bàn Thừa Thiên Huế giai đoạn 2010 - 2015 phân theo 19 TC cụ thể

Số liệu bảng 2 cho thấy, trong năm 2015, 100% trong tổng số 92 xã của Thừa Thiên Huế hoàn thành TC về quy hoạch, trong đó cả về quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, quy hoạch đất đai và xây dựng cơ sở hạ tầng bưu điện. Nhìn chung tỷ lệ các xã hoàn thành các TC bình quân đạt 80,15% trong tổng số 92 xã. Trong đó điển hình có các TC với tỷ lệ cao số xã hoàn thành như TC về tỷ lệ lao động có việc làm, về giáo dục, về an ninh trật tự xã hội (98,91%), điện (97,83%), văn hóa (95,65%)... tuy nhiên vẫn còn một số chỉ tiêu có tỷ lệ số lượng xã hoàn thành thấp như cơ sở vật chất văn hóa (31,52%), trường học và giao thông (48,91%), tỷ lệ hộ nghèo dưới 5% (53,26%).

Bảng 2: Tình hình thực hiện cụ thể 19 TC NTM của các xã trên địa bàn Thừa Thiên Huế giai đoạn 2010 - 2015

TC	Thừa Thiên Huế						Cả nước		TTH so với Cả nước
	2010		2014		2015		2015		2015
	SL (Xã)	TL (%)	SL (Xã)	TL (%)	SL (Xã)	TL (%)	SL (Xã)	TL (%)	TL (+-%)
I. Quy hoạch nông thôn mới									
1. Quy hoạch	0	0,00	92	100,00	92	100,00	9.008	100,00	0,00
II. Nhóm TC về hạ tầng kinh tế xã hội									
2. Giao thông	2	2,17	37	40,22	45	48,91	3.180	35,30	13,61
3. Thủy lợi	17	18,48	53	57,61	56	60,87	4.747	52,70	8,17
4. Điện	92	100,00	90	97,83	90	97,83	7.287	80,89	16,93
5. Trường học	26	28,26	36	39,13	45	48,91	3.783	42,00	6,92
6. Cơ sở vật chất văn hóa	4	4,35	15	16,30	29	31,52	2.792	30,99	0,53
7. Chợ	50	54,35	76	82,61	76	82,61	4.612	51,20	31,41
8. Bưu điện	92	100,00	92	100,00	92	100,00	7.981	88,60	11,40
9. Nhà ở	25	27,17	72	78,26	78	84,78	4.522	50,20	34,58
III. Nhóm TC về kinh tế và tổ chức sản xuất									
10. Thu nhập	34	36,96	65	70,65	75	81,52	4.594	51,00	30,52
11. Tỷ lệ hộ nghèo (<5%)	1	1,09	34	36,96	49	53,26	4.108	45,60	7,66
12. Tỷ lệ lao động có việc làm	79	85,87	86	93,48	91	98,91	6.846	76,00	22,91
13. Tổ chức sản xuất	19	20,65	70	76,09	75	81,52	5.855	65,00	16,52
IV. Nhóm TC về văn hóa - xã hội - môi trường									
14. Giáo dục	79	85,87	83	90,22	91	98,91	5.495	61,00	37,91
15. Y tế	19	20,65	88	95,65	92	100,00	4.873	54,10	46,99
16. Văn hóa	64	69,57	80	86,96	88	95,65	5.990	66,50	29,16

17. Môi trường	2	2,17	46	50,00	58	63,04	3.396	37,70	25,34
V. Nhóm TC về Hệ thống chính trị và an ninh trật tự									
18. Hệ thống tổ chức chính trị	47	51,09	80	86,96	87	94,57	7161	79,50	15,07
19. An ninh trật tự xã hội	86	93,48	91	98,91	91	98,91	8513	94,50	4,41
Tổng/BQC	92	44,74	92	73,57	92	80,15	9008	66,46	13,69

Nguồn: UBND Thừa Thiên Huế, 2015

Qua 5 năm, tỷ lệ các xã hoàn thành các TC có xu hướng tăng lên rất đáng kể, trong đó mức tăng ấn tượng nhất là ở TC về quy hoạch. Nếu như năm 2010, không có xã nào xây dựng quy hoạch thì đến năm 2015 đã có 100% số xã hoàn thành; số xã hoàn thành TC về môi trường tăng mạnh từ 2,17% vào năm 2010 lên 63,04% vào năm 2015; con số tương ứng ở TC tỷ lệ hộ nghèo là 1,09% và 53,26%. So với bình quân chung của cả nước, tỷ lệ số xã hoàn thành xét theo từng TC ở Thừa Thiên Huế đều cao hơn hẳn, đặc biệt ở một số TC như: y tế (cao hơn 46,99%), giáo dục (37,91%), nhà ở (34,58%), chợ (31,41%).

3.2. Tình hình thực hiện một số TC về phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất trên địa bàn Thừa Thiên Huế

3.2.1. Kết quả thực hiện một số TC về phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất trên địa bàn Thừa Thiên Huế

Mặc dù còn nhiều khó khăn trong việc huy động nguồn lực cho xây dựng NTM, tuy nhiên trong 5 năm qua chương trình đã bố trí 19.789 triệu đồng (cùng với lượng kinh phí sự nghiệp của tỉnh và các huyện thị) cho công tác hỗ trợ phát triển sản xuất, và đã xây dựng được 302 mô hình sản xuất phù hợp với điều kiện tiềm năng của từng địa phương, góp phần đẩy nhanh giảm nghèo, nâng cao thu nhập.

Thực tế cho thấy một số mô hình bước đầu có hiệu quả cao và có thể nhân rộng như: nuôi bò bán thâm canh, nuôi ong ở Nam Đông; cây chuối hàng hóa ở A Lưới; nuôi gà, lợn lót đệm sinh học, nuôi cá Hồng Mỹ, trồng rau sạch theo VietGap ở Quảng Điền; trồng cỏ nuôi bò, trồng tre lấy măng ở Phong Điền,... Bên cạnh đó nhằm ổn định sản xuất và đẩy mạnh tiêu thụ cho các sản phẩm, Chương trình cũng đã hỗ trợ xây dựng 2 nhãn hiệu hàng hóa, gồm gạo hương cốm Thủy Thanh và rau má Quảng Thọ. Đây là kết quả rất đáng ghi nhận và khác biệt rất lớn so với việc phát triển nông thôn và nông nghiệp trước đây.

Bảng 3: Thu nhập, tỷ lệ hộ nghèo và việc làm ở Thừa Thiên Huế giai đoạn 2010 - 2014

Chỉ tiêu	2010	2011	2012	2013	2014	g (%)
1. Thu nhập (Nghìn đồng/người/tháng)	1.192,5	1.356,1	1.655,2	1.739,0	2.187,9	16,38
- Thành thị	1.338,5	1.576,9	2.095,2	2.253,3	2.902,4	21,35
- Nông thôn	1.051,6	1.214,0	1.356,5	1.388,3	1.701,0	12,78
2. Chênh lệch giữa nhóm có thu nhập cao nhất và thấp nhất (lần)	6,8	7,2	7,9	7,8	7,7	3,16
- Thành thị	9,10	9,30	10,20	10,10	10,00	2,39
- Nông thôn	6,90	7,40	8,10	8,00	7,90	3,44
3. Tỷ lệ hộ nghèo (%)	11,16	9,16	8,00	6,50	5,06	-1,22
- Thành thị	5,30	4,89	3,80	3,04	3,08	-0,44
- Nông thôn	13,07	11,43	9,37	7,61	6,64	-1,29
4. Tỷ lệ LĐ từ 15 tuổi trở lên có việc làm (%)	97,09	97,06	97,45	97,85	98,00	0,18
- Thành thị	95,29	95,82	96,41	96,97	96,67	0,28
- Nông thôn	98,46	98,28	98,47	98,72	98,99	0,11

Nguồn: Cục Thống kê Thừa Thiên Huế, 2015

Số liệu bảng 3 cho thấy thu nhập của người dân Thừa Thiên Huế có xu hướng tăng ổn định trong giai đoạn 2010 - 2014. Thu nhập hàng tháng bình quân đạt 2.187,9 nghìn đồng/người vào năm 2014, tăng 16,38% so với năm 2010, trong đó một số địa phương đạt mức cao như Phong Điền với 2,59 triệu đồng/người/tháng. Dù mức tăng thu nhập thấp hơn so với thành thị (21,35%), nhưng khu vực nông thôn có thu nhập cao hơn đáng kể so với chuẩn nghèo, bình quân đạt 1.701,0 nghìn đồng/người/tháng, tăng 12,78% so với thu nhập năm 2010. Thu nhập tăng đã làm cho tỷ lệ hộ nghèo trên các địa bàn của Thừa Thiên Huế giảm đi đáng kể, nhất là tỷ lệ hộ nghèo ở khu vực nông thôn, năm 2010 tỷ lệ này là 13,07% nhưng đến năm 2014 chỉ còn 6,64%, bình quân giảm 1,29%/năm trong suốt 5 năm qua.

Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc so với lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của Thừa Thiên Huế giai đoạn 2010 - 2014 có sự gia tăng ổn định và đạt ở mức cao. Số lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm ở khu vực nông thôn tương ứng đạt 98,46% (tương ứng 326.274 người) vào năm 2010, năm 2015 đạt 98,99% (tương ứng 309.787 người).

Như vậy, trong giai đoạn vừa qua Thừa Thiên Huế đã đạt được những kết quả rất khả quan trong việc thực hiện một số TC quan trọng về phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất. Đây là tiền đề để tiếp tục thực hiện thành công những TC khác trong bộ 19 TC về xây dựng NTM.

3.2.2. Kết quả thực hiện một số TC về phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất ở huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế

Để đi sâu tìm hiểu thực trạng công tác xây dựng NTM ở Thừa Thiên Huế, nhóm nghiên cứu đã phân tích cụ thể tình hình thực hiện một số tiêu chí xây dựng NTM liên quan đến phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất ở huyện Quảng Điền thông qua số liệu điều tra 120 hộ ở 3 xã đại diện các vùng sinh thái và kinh tế - xã hội.

❖ Thu nhập của người dân ở huyện Quảng Điền

Số liệu từ Chi cục thống kê huyện Quảng Điền cho thấy thu nhập của người dân trong huyện có sự gia tăng rất đáng kể. Theo kế hoạch, thu nhập bình quân/người năm 2014 đạt 24,00 triệu đồng (tương ứng 2,00 triệu đồng/tháng), tăng bình quân 16,56%/năm trong suốt giai đoạn 2010 - 2014. Mặc dù vậy việc thực hiện hằng năm chưa đạt kế hoạch đặt ra, nhất là từ năm 2012 trở lại đây. Thu nhập thực tế bình quân chỉ đạt 23,00 triệu đồng/người (tương ứng 1,92 triệu đồng/tháng) trong năm 2014, mức tăng bình quân chỉ đạt 13,21%, thấp hơn so với tỷ lệ tăng theo kế hoạch đặt ra. Nguyên nhân chủ yếu của vấn đề này là do tình hình hình tiêu thụ các sản phẩm sản xuất ra của hộ chưa thực sự ổn định.

Bảng 4: Thu nhập của người dân huyện Quảng Điền giai đoạn 2010 - 2014

Chỉ tiêu	ĐVT	2010	2011	2012	2013	2014	\bar{g} (%)
Kế hoạch	<i>Tr.đ/người/năm</i>	13,00	18,00	22,00	24,00	24,00	16,56
	<i>Tr.đ/người/tháng</i>	1,08	1,50	1,83	2,00	2,00	
Thực hiện	<i>Tr.đ/người/năm</i>	14,00	18,00	20,50	21,00	23,00	13,21
	<i>Tr.đ/người/tháng</i>	1,17	1,50	1,71	1,75	1,92	
Tỷ lệ thực hiện	%	107,69	100,00	93,18	87,50	95,83	

Nguồn: Chi cục Thống kê huyện Quảng Điền, 2015

Kết quả điều tra cho thấy thu nhập bình quân đầu người ở huyện Quảng Điền có thấp hơn so với số liệu thống kê của huyện nhưng không đáng kể, bình quân đạt 1,695,08 ngàn đồng/người/tháng. Trong đó cao nhất là xã Quảng Phước với mức thu nhập/người/tháng đạt 1.775,87 ngàn đồng. Mức chênh lệch giữa các xã không lớn, khoảng từ 30 ngàn - 100 ngàn và kết quả kiểm định cho thấy sự khác biệt này không có ý nghĩa về mặt thống kê (Sig. = 0,600, > 0,05). Nguyên nhân có thể do sự khác biệt về nguồn thu của các hộ điều tra giữa các xã.

Số liệu bảng 5 cũng cho thấy các xã điều tra ở Quảng Điền có nguồn thu nhập rất đa dạng. Trong đó tiền lương/công là nguồn thu chủ yếu, ở Quảng Ngạn con số này đạt đến 44.193,10 ngàn đồng, chiếm 43,96% tổng thu nhập của hộ, ở Quảng Phước còn cao hơn với tỷ trọng lên đến 61,09%. Sở dĩ có sự khác biệt này là do điều kiện đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp ở các xã không đồng đều, rất nhiều lao động đi làm công ăn lương để tạo thêm thu nhập cho gia đình.

Bảng 5: Các hoạt động kinh tế và nguồn thu nhập của các hộ điều tra ở huyện Quảng Điền năm 2014 (tính BQ/hộ)

Nguồn thu nhập	Quảng Ngạn		Quảng Phú		Quảng Phước		BQC		ANOV A
	SL (1.000đ)	CC (%)	SL (1.000đ)	CC (%)	SL (1.000đ)	CC (%)	SL (1.000đ)	CC (%)	Sig.
Trồng trọt	14.192,93	14,12	24.063,88	23,77	13.821,75	15,50	18.559,90	19,06	0,087
Chăn nuôi	2.372,41 ^a	2,36	13.632,04 _b	13,47	5.722,56 ^a	6,42	8.495,31	8,72	0,003
Nuôi trồng thủy sản	1.241,38	1,23	244,44	0,24	0,00	0,00	413,45	0,42	0,102
Đánh bắt thủy sản	29.931,03 ^a	29,77	0,00 ^b	0,00	0,00 ^b	0,00	7.294,12	7,49	0,000
Làm muối	0,00	0,00	185,19	0,18	0,00	0,00	84,03	0,09	0,299
Tiểu thủ công nghiệp	2.482,76	2,47	1.457,04	1,44	7.702,78	8,64	3.596,47	3,69	0,064
Buôn bán	5.544,83	5,52	5.075,47	5,01	7.102,78	7,97	5.809,32	5,97	0,831
Tiền lương	44.193,10	43,96	55.271,32	54,60	54.475,00	61,09	52.305,76	53,71	0,614
Trợ cấp	0,00	0,00	692,22	0,68	62,50	0,07	329,98	0,34	0,268
Khác	579,31	0,58	56,60	0,06	282,00	0,32	253,83	0,26	0,221
Tổng thu nhập	100.537,76	100,00	101.236,36	100,00	89.169,36	100,00	97.383,21	100,00	0,600
Thu nhập BQ/người/tháng	1.631,17		1.675,17		1.775,87		1.695,08		0,844

Ghi chú: Các giá trị trung bình của mỗi xã trong cùng một nguồn thu nhập có ít nhất một chữ cái giống nhau thì sự khác nhau ở nguồn thu nhập đó giữa các xã không có ý nghĩa thống kê với $\alpha = 0,05$

Nguồn: Số liệu điều tra hộ, 2015

Trong khi đó, mặc dù chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng thu nhập của hộ nhưng thu từ chăn nuôi và đánh bắt thủy sản đã có sự khác biệt đáng kể giữa các xã điều tra, sự khác biệt này có ý nghĩa về mặt thống kê khi giá trị Sig. lần lượt bằng 0,003 và 0,000 (< 0,05). Cụ thể, thu từ chăn nuôi của xã Quảng Phú khác biệt có ý nghĩa thống kê với xã Quảng Ngạn và Quảng Phước, trong khi thu từ đánh bắt thủy sản của xã Quảng Ngạn thì khác biệt có ý nghĩa thống kê với hai xã còn lại. Nguyên nhân chính ở đây có thể là do điều kiện tự nhiên ở Quảng Ngạn khác biệt với Quảng Phú và Quảng Phước khi địa hình phân bố hầu hết ven phá Tam Giang và ven biển.

❖ Tỷ lệ hộ nghèo ở huyện Quảng Điền

Bảng 6: Quy mô và tỷ lệ hộ nghèo ở huyện Quảng Điền phân theo địa bàn giai đoạn 2011 - 2014

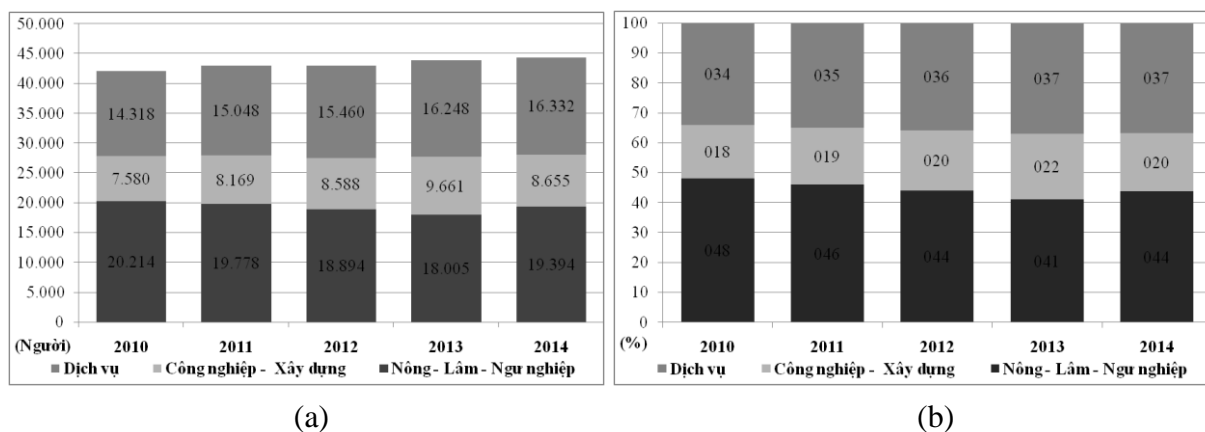
Địa bàn	2011		2012		2013		2014		g					
	Tổng số (Hộ)	Nghèo		Tổng số (Hộ)	Nghèo		Tổng số (Hộ)	Nghèo		Tổng số (%)	Nghèo (%)			
		SL (Hộ)	TL (%)		SL (Hộ)	TL (%)		SL (Hộ)	TL (%)					
Quảng An	2.512	528	21,02	2.626	485	18,47	2.717	441	16,23	2.827	221	7,82	4,02	-25,20
Quảng Công	1.424	291	20,44	1.560	262	16,79	1.581	232	14,67	1.616	140	8,66	4,31	-21,64
Quảng Lợi	1.871	283	15,13	1.949	331	16,98	1.979	309	15,61	2.072	220	10,62	3,46	-8,05
Quảng Ngạn	1.468	306	20,84	1.665	284	17,06	1.686	269	15,95	1.665	181	10,87	4,29	-16,06
Quảng Phú	2.652	350	13,20	2.718	274	10,08	2.792	183	6,55	2.906	129	4,44	3,10	-28,30
Quảng Phước	1.916	389	20,30	1.929	370	19,18	1.976	347	17,56	1.998	132	6,61	1,41	-30,25
Quảng Thái	1.291	192	14,87	1.305	196	15,02	1.331	193	14,50	1.356	144	10,62	1,65	-9,14
Quảng Thành	2.406	379	15,75	2.586	293	11,33	2.692	254	9,44	2.765	137	4,95	4,74	-28,76
Quảng Thọ	1.772	156	8,80	1.788	146	8,17	1.829	137	7,49	1.855	101	5,44	1,54	-13,49
Quảng Vinh	2.826	383	13,55	2.839	326	11,48	2.916	266	9,12	2.942	158	5,37	1,35	-25,56
Thị trấn Sịa	2.550	342	13,41	2.687	295	10,98	2.713	251	9,25	2.771	165	5,95	2,81	-21,57
Tổng/BQC	22.688	3.599	15,86	23.652	3.262	13,79	24.212	2.882	11,9	24.773	1.728	6,98	2,97	-21,70

Nguồn: Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Quảng Điền, 2015

Trong giai đoạn 2011 - 2014, thực hiện chủ trương đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo nhanh và bền vững (UBND huyện Quảng Điền, 2011), huyện Quảng Điền đã huy động mọi nguồn lực để triển khai một số mô hình sản xuất mang lại hiệu quả tích cực như rau an toàn, trà rau má sạch... Dẫu vậy cho đến năm 2014 hầu hết các xã trong huyện (ngoại trừ Quảng Phú và Quảng Thành) đều chưa hoàn thành TC về tỷ lệ hộ nghèo (< 5%), trong đó có một số xã tỷ lệ này vẫn cao gấp đôi chuẩn TC như Quảng Ngạn (10,87%), Quảng Lợi và Quảng Thái (10,62%). Tính chung toàn huyện, đến năm 2014 tỷ lệ hộ nghèo chỉ còn 6,98%, đây là con số ấn tượng tuy nhiên để hoàn thành mục tiêu huyện NTM thì cần sự nỗ lực lớn vì một bộ phận dân cư trên địa bàn huyện là những người neo đơn, không nơi nương tựa, người tàn tật, không lao động được nên rất khó để thoát nghèo.

❖ Cơ cấu lao động ở huyện Quảng Điền

Qua hình 1 ta thấy, số lượng lao động ở huyện Quảng Điền có sự gia tăng đáng kể, từ 42.113 người vào năm 2010 lên 44.381 người vào năm 2014, tăng bình quân 1,32%/năm. Tuy nhiên sự gia tăng chủ yếu từ ngành công nghiệp - xây dựng và ngành dịch vụ, bình quân tăng 3,37%/năm và 3,34%/năm.



Hình 1: (a) Quy mô và (b) cơ cấu lao động của huyện Quảng Điền phân theo ngành kinh tế giai đoạn 2010 - 2014

Nguồn: Chi cục Thống kê huyện Quảng Điền, 2015

Nhìn chung đã có sự thay đổi về số lượng lao động tham gia vào các ngành kinh tế trên địa bàn huyện, dù cơ cấu lao động nông - lâm - ngư nghiệp đã giảm xuống nhưng vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn, năm 2014 là 43,70%, giảm 4,3% so với năm 2010. Kết quả bảng 7 cho thấy, chuyển dịch cơ cấu lao động giữa các ngành kinh tế của huyện đã có sự chuyển biến đáng kể dù tốc độ chuyển dịch chưa thực sự cao, tăng từ 2,45% giai đoạn 2010 - 2011 lên 3,79% giai đoạn 2013 - 2014.

Bảng 7: Tỷ lệ chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành của huyện Quảng Điền giai đoạn 2010 - 2014

Giai đoạn	2010 - 2011	2011 - 2012	2012 - 2013	2013 - 2014
Tỷ lệ (%)	2,45	2,50	3,88	3,79

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu của Chi cục Thống kê huyện Quảng Điền

Như vậy, có thể thấy rằng cơ cấu lao động của huyện Quảng Điền chuyển biến rất tích cực, tốc độ chuyển dịch giữa các ngành ngày càng tăng. Mặc dù, tỷ lệ chuyển dịch lao động giữa các ngành không lớn nhưng phần nào phản ánh đúng xu thế chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng hiện đại, phù hợp với quá trình CNH - HĐH của đất nước.

❖ Sự tham gia của người dân vào các tổ chức sản xuất

Kết quả bảng 8 cho thấy tỷ lệ các hộ không tham gia vào các tổ chức sản xuất còn khá cao, cao nhất là ở Quảng Ngạn với 73,33% hộ điều tra, thấp nhất là ở Quảng Phú với 38,89%. Kết quả kiểm định cho thấy tình hình tham gia vào các tổ chức sản xuất có mối liên hệ với địa bàn điều tra, với giá trị Sig.₃ bằng 0,010 (<0,05). Mặc dù vậy, khi hộ đã quyết định có tham gia thì việc lựa chọn các hình thức tổ chức để tham gia giữa các xã không có mối liên hệ này, với trên 93% các hộ lựa chọn HTX để tham gia, số ít còn lại tham gia vào các tổ hợp tác.

Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng đa số các hộ tham gia vào các tổ chức sản xuất dựa trên tinh thần tự nguyện và chủ động, ở Quảng Ngạn là 100% số hộ tham gia, tỷ lệ này ở Quảng Phước là 94,12%. Số ít còn lại được các tổ chức vận động tham gia và họ đã tự nguyện, cao nhất là ở xã Quảng Phú với 27,27%. Điều này cho thấy vai trò của các tổ chức trong việc vận động người dân tham gia vào các tổ chức sản xuất, qua đó đồng hành cùng người dân trong việc thực hiện các TC về xây dựng NTM.

Bảng 8: Tình hình tham gia vào các tổ chức sản xuất của các hộ điều tra

Chỉ tiêu	Quảng Ngạn		Quảng Phú		Quảng Phước		Tổng		Chi-Square Tests
	SL (Hộ)	CC (%)	SL (Hộ)	CC (%)	SL (Hộ)	CC (%)	SL (Hộ)	CC (%)	Sig.
	1. Tình hình tham gia								
- Không	22	73,33	21	38,89	19	52,78	62	51,67	
- Có	8	26,67	33	61,11	17	47,22	58	48,33	
Tổng số	30	100,00	54	100,00	36	100,00	120	100,00	
2. Tổ chức tham gia									0,776
- Tổ hợp tác	0	0,00	2	6,06	1	5,88	3	5,17	
- HTX	8	100,00	31	93,94	16	94,12	55	94,83	
- Hội, hiệp hội	0	0,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00	
Tổng số	8	100,00	33	100,00	17	100,00	58	100,00	
3. Tinh thần tham gia									0,063
- Tự nguyện và chủ động	8	100,00	24	72,73	16	94,12	48	82,76	
- Tự nguyện nhưng được vận động	0	0,00	9	27,27	1	5,88	10	17,24	
- Bất buộc	0	0,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00	
Tổng số	8	100,00	33	100,00	17	100,00	58	100,00	

Nguồn: Số liệu điều tra hộ, 2015

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng chương trình MTQG về xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đã đạt được những kết quả rất đáng ghi nhận trong suốt giai đoạn 2010 - 2015, tỷ lệ các xã đã hoàn thành từng TC ở Thừa Thiên Huế đều cao hơn hẳn so với bình quân chung của cả nước.

Ở Quảng Điền, chương trình MTQG về xây dựng NTM đã góp phần tạo nguồn thu đa dạng cho các hộ điều tra nhưng không cao. Tỷ lệ hộ nghèo ở Quảng Điền giảm rõ nét, cơ cấu lao động chuyển biến rất tích cực, tốc độ chuyển dịch giữa các ngành ngày càng tăng. Tuy nhiên tỷ lệ các hộ không tham gia vào các tổ chức sản xuất vẫn còn cao. Từ đó chúng tôi đề xuất một số giải pháp sau:

- Tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa và tạo nguồn thu ổn định cho các hộ gia đình để từ đó góp phần nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững.

- Triển khai các lớp tập huấn nhằm tạo việc làm và nâng cao chất lượng lao động qua đó góp phần đẩy nhanh sự chuyển dịch cơ cấu lao động trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường sự chỉ đạo của Ban chỉ đạo xây dựng NTM của tỉnh đến các ban cấp huyện, xã để huy động mọi nguồn lực cho việc hoàn thành các TC, đặc biệt là phải đánh giá được những thuận lợi và khó khăn của địa phương mình để từ đó có những biện pháp thiết thực hơn.

Xuất phát từ nghiên cứu này, chúng tôi đề xuất những nghiên cứu sau cần xác định cụ thể và chi tiết hơn đặc điểm tạo khác biệt giữa các địa bàn điều tra. Qua đó tìm ra được những nguyên nhân xác đáng trong đánh giá những kết quả đạt được và hạn chế còn tồn tại khi thực hiện các TC về xây dựng NTM trên các địa bàn của tỉnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ NN&PTNT (2013), *Thông tư số 41/2013/TT - BNNPTNT về việc hướng dẫn thực hiện bộ TC quốc gia về nông thôn mới.*
2. Chi cục Thống kê huyện Quảng Điền (2015, 2012), *Niên giám thống kê huyện Quảng Điền.*
3. Cục Thống kê Thừa Thiên Huế (2015), *Niên giám thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế.*
4. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2014), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Hồng Đức, Tp. HCM.
5. Nguyễn Chí Linh (2012), *Một số vấn đề đặt ra trong xây dựng nông thôn mới,*

<http://www.baoquangtri.vn/default.aspx?TabID=100&modid=549&ItemID=54818>.

6. Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Quảng Điền (2015), *Tình hình dân số và lao động huyện Quảng Điền giai đoạn 2011 - 2014*.

7. Thủ tướng chính phủ (2010), Quyết định 800/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

8. Trần Lê Hùng (2011), Các giải pháp chuyển dịch cơ cấu lao động trên địa bàn huyện Núi Thành, Luận văn Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Đà Nẵng.

9. Trần Tiến Khai (2012), *Phương pháp nghiên cứu kinh tế - Kiến thức cơ bản*, NXB Lao động - Xã hội.

10. UBND huyện Quảng Điền (2011), Đề án xây dựng huyện nông thôn mới - Quảng Điền giai đoạn 2010 - 2015, định hướng đến 2020.

11. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (2015), Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới tỉnh Thừa Thiên Huế.

ASSESSING THE PERFORMANCE OF THE NATIONAL TARGET PROGRAM ON BUILDING NEW RURAL AREA IN THUA THIEN HUE

Abstract. This research aims to assess the performance results of the national target program on building new rural area in Thua Thien Hue in the period 2010 - 2015. Applying the methodologies of descriptive statistics, comparison and statistical test, the research results indicated that the number of communes in Thua Thien Hue reaching from 10 criteria on building new rural area was high, accounting for 97.83% of the 92 communes, particularly with 20 communes meeting 19 criteria, making up 21.74%. The percentage of communes completed each criteria averaged 80.15%, however in some criteria remained low all of them were higher than that of the average of Vietnam. The results of baseline survey in Quang Dien shown that the income in Quang Dien was not high even though much diversified, averaging only 1,695.08 thousand VND/person/month. The poverty rate of this district fell significantly, from 15.86% in 2011 to 6.98% in 2014. The labor structure of Quang Dien changed very positively, shifting speed among the sectors more and more increased, from 2.45% to 3.79%, in the orientation of rising labor proportion of service. The percentage of households not took part in the producing organizations was still high, averaged 51.67%. To accelerate the implementation of the national target program on building new rural areas the implementation of the national target program on building new

rural area in Thua Thien Hue, some measures need to taken such as centralizing and supporting to develop production, organizing labor training courses and strengthening the direction of the local Steering Committees of the new rural building.

Key words: economics, new rural area, criteria, Thua Thien Hue